TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG – TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 603/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 569/2024/TLST-VHNGĐ ngày 20/8/2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bên chồng: Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 26/5/1989; ĐKHKTT: Khu 1 xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

- Bên vợ: Chị Vũ Thị T1, sinh ngày 07/12/1993; ĐKHKTT: Phòng 1009, CT6B Chung cư B, phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung. Sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Hiện nay, do bất đồng quan điểm kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn mặc dù vợ chồng đã tìm nhiều cách để khắc phục mâu thuẫn nhưng không thể hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh T và chị T1 thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 có 01 con chung là Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020. Hai bên thống nhất:

+ Chị Vũ Thị T1 nuôi con chung Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Chị Vũ Thị T1 tự nguyện tạm thời không yêu cầu anh Đỗ Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng cho con chung Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Tài sản chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 khai vợ chồng không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị T1 tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Xét thấy các nội dung thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 29, đăng ký ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa không còn giá trị.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 có 01 con chung là Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020. Hai bên thống nhất:

+ Chị Vũ Thị T1 nuôi con chung Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Chị Vũ Thị T1 tự nguyện tạm thời không yêu cầu anh Đỗ Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng cho con chung Đỗ Kim N, sinh ngày 08/8/2020, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Anh Đỗ Văn T và chị Vũ Thị T1 khai vợ chồng không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị T1 tự nguyện nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0044131 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Ánh